

Số: 25/2021/NQ-HĐND

Trà Vinh, ngày 09 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Quy định về lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 6054/TTr-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc quy định về lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định về lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, như sau:

1. Phạm vi và đối tượng áp dụng: Công dân Việt Nam khi thực hiện đăng ký cư trú với cơ quan Công an trên địa bàn tỉnh Trà Vinh theo quy định của pháp luật.

2. Mức thu

a) Đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú cả hộ hoặc một người nhưng không cấp sổ hộ khẩu, số tạm trú 5.000 đồng/lần đăng ký. Trên địa bàn các phường thuộc thành phố Trà Vinh là 6.000 đồng/lần đăng ký.

b) Điều chỉnh thông tin về cư trú trong cơ sở dữ liệu về cư trú 3.000 đồng/lần điều chỉnh. Trên địa bàn các phường thuộc thành phố Trà Vinh là 5.000 đồng/lần điều chỉnh.

c) Tách hộ, xác nhận thông tin về cư trú 8.000 đồng/xác nhận. Trên địa bàn các phường thuộc thành phố Trà Vinh là 10.000 đồng/lần xác nhận.

d) Gia hạn tạm trú 3.000 đồng/lần đăng ký. Trên địa bàn các phường thuộc thành phố Trà Vinh là 5.000 đồng/lần đăng ký.

3. Các trường hợp miễn thu lệ phí

a) Miễn thu lệ phí đối với bố, mẹ, vợ, chồng, con dưới 18 tuổi của liệt sĩ; thương binh, người được hưởng chính sách như thương binh, con dưới 18 tuổi của thương binh và người được hưởng chính sách như thương binh; mẹ Việt Nam anh hùng, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng; đồng bào các dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật.

b) Miễn thu lệ phí đối với công dân là người dưới 16 tuổi (là trẻ em theo quy định tại Điều 1 của Luật trẻ em năm 2016).

c) Miễn thu lệ phí khi đăng ký cư trú cho công dân là người chưa thành niên (theo quy định tại khoản 1 Điều 21 của Bộ luật Dân sự năm 2015), mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa; thay đổi về địa chỉ nơi cư trú do có sự điều chỉnh về địa giới đơn vị hành chính, đổi tên đường, số nhà, xóa đăng ký thường trú.

d) Miễn thu lệ phí khi điều chỉnh các thay đổi thông tin về cư trú do lỗi của cơ quan quản lý cư trú.

4. Kê khai, thu, nộp, quyết toán lệ phí

Số tiền lệ phí thu được phải nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước. Nguồn chi phí trang trải cho việc thu lệ phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của đơn vị thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Đơn vị thu lệ phí thực hiện kê khai, nộp lệ phí theo tháng, quyết toán lệ phí năm theo quy định của pháp luật quản lý thuế.

Điều 2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 41/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định về lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

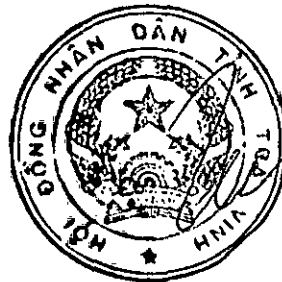
Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa X - kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 19 tháng 12 năm 2021. /.

Nơi nhận:

- UBND, Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính, Công an;
- Ban Công tác đại biểu - UBND;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- TT.TU, UBND, UBNDTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các Sở, ngành tỉnh: Tư pháp, Tài chính, Công an, KBNN, Cục thuế, Cục Thông kê tỉnh;
- TT.HĐND, UBND cấp huyện;
- Hội đồng PBGDPL - Sở Tư pháp;
- Đài PT-TH, Báo Trà Vinh;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Website Chính phủ;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HĐND.

CHỦ TỊCH



Kim Ngọc Thái